

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 24-9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Vũ Khắc Tân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 674/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 772/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Trần Huy Đ; nơi cư trú: Số 15/121 đường D, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Tổng Thị Thanh N; nơi ĐKKHKT: Số 10/8/64/179 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 15/121 đường A phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Huy Đ trình bày:

Anh và chị Tổng Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 04/02/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ năm 2017 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013. Ly hôn anh đề nghị giao con Trần Huy T cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Tổng Thị Thanh N trình bày tại bản tự khai như sau:

Chị và anh Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 04/02/2013. Sau khi kết hôn trong cuộc sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ. Mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Trường hợp anh Đ cương quyết xin ly hôn thì Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013. Trường hợp phải ly hôn chị đề nghị giao con cho chị trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải 03 lần. Tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2020 quan điểm của anh chị như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con: Anh chị thỏa thuận giao con Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013 cho chị N nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, chị N thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn.

Tại phiên toà, anh Đ giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên toà theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Huy Đ được ly hôn chị Tống Thị Thanh N. Về việc nuôi con: Giao con chung Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013 cho N nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết. Về việc chia tài sản: Anh chị có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Tống Thị Thanh N cư trú trên địa bàn quận Lê Chân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 674/2020/QĐXXST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho chị Nhân nhưng tại phiên toà ngày 01/9/2020 chị N vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 772/2020/QĐST-HNGĐ trong đó ấn định phiên toà được mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 24/9/2020. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà cho chị N. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn chị N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Trần Huy Đ và chị Tống Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 04/02/2013. Vì vậy, hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hôn nhân

hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mặc dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay.

[3] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Quan điểm của địa phương, gia đình xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Toà án giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị N đã đồng ý ly hôn sau đó thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh Đ và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị N.

+ Về việc nuôi con:

[4] Anh Trần Huy Đ và chị Tống Thị Thanh N có một con chung là Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013. Anh chị thỏa thuận giao con cho chị N nuôi. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh Đ và chị N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Anh Trần Huy Đ và chị Tống Thị Thanh N không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Anh Trần Huy Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Huy Đ được ly hôn chị Tổng Thị Thanh N.

- Về việc nuôi con: Giao con chung Trần Huy T, sinh ngày 23/10/2013 cho chị Tổng Thị Thanh N trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Anh Trần Huy Đ và chị Tổng Thị Thanh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Huy Đ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013822 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Huy Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trần Huy Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Tổng Thị Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 04/3/2013);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hương**





























































